

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 190/2020/DS-ST

Ngày: 25/9/2020.

V/v tranh chấp “Chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Tuấn.

2. Ông Đặng Văn Tâm.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp: “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2020/QĐST-DS ngày 7 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1934. Cư trú: Số 199, tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chết năm 2019

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị Đ:

1.1.1. Bà Mai Thị Mỹ N, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

1.1.2. Bà Mai Thị Mỹ L, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

1.1.3. Bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp Trung Châu, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;

1.1.4. Bà Mai Thị N1, sinh năm 1961 ; Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang.

1.1.5. Bà Mai Thị Mỹ K, sinh năm 1963 ; Cư trú: Số 97, ấp Thanh Phú, xã Bình Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.1.6. Ông Mai Văn P, sinh năm 1965 ; Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang.

1.1.7. Ông Mai Văn C, sinh năm 1967; nơi cư trú : số 199, tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt

1.2. Bà Mai Thị Mỹ N, sinh năm 1971 ; nơi cư trú: Tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020. Có mặt.

1.3. Bà Mai Thị Mỹ L, sinh năm 1975; nơi Cư trú: Tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020. Có mặt.

1.4. Bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969; Hộ khẩu thường trú: Ấp Trung Châu, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Tạm trú: Tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Văn C, sinh năm 1967. có mặt

2.2. Bà Trương Mỹ H, sinh năm 1970. có mặt

Cùng cư trú tại: Số 199, tổ 11, ấp Bình Phú, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Mai Văn C, bà Trương Mỹ H: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983. Cư trú: Số 477A/24 QCT, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1961; Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

3.2. Bà Lưu Thị Việt T, sinh năm 1967; Cư trú: Ấp HTB, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang. xin vắng mặt

3.3. Bà Mai Thị N1, sinh năm 1961. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020.

3.4. Bà Mai Thị Mỹ K, sinh năm 1963. Cư trú: Số 97, ấp TP, xã BT, huyện CT, tỉnh An Giang. Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020.

3.5. Ông Mai Văn P, sinh năm 1965. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020.

3.6. Anh Mai Thành P1, sinh năm 1982. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020.

3.7. Chị Mai Thị Kim C1, sinh năm 1985. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Ủy quyền hợp pháp cho bà Mai Thị Mỹ D, sinh năm 1969. Cư trú: Ấp BP, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020.

3.8. Chị Mai Thị Huyền T1, sinh năm 1986. Cư trú: Ấp HTB, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.9. Chị Mai Thị Huyền N2, sinh năm 1988. Cư trú: Ấp HTB, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ D, bà Mai Thị Mỹ N và bà Mai Thị Mỹ L trình bày: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Mai Văn P1, bà Phạm Thị Đ diện tích đất nông nghiệp 1512,0m². Nguồn gốc đất là của của ông bà để lại cho cha là Mai Văn P1 chết 1999 và mẹ là Phạm Thị Đ chết năm 2019 đất do cha mẹ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1512,0m² hiện do ông Mai Văn C canh tác, cha và mẹ có 09 người con: Mai Văn P1 (chết) có vợ Võ Thị H1, con Mai Thành P1, Mai Thị Kim C1; Mai Văn Đức (chết) có vợ tên Lưu Thị Việt T, con Mai Thị Huyền T1, Mai Thị Huyền N2; Mai Thị N1; Mai Thị Mỹ K; Mai Văn P; Mai Văn C; Mai Thị Mỹ D; Mai Thị Mỹ N; Mai Thị Mỹ L. Cha mẹ chết không để lại di chúc. Nay yêu cầu chia diện tích theo diện tích đất thực tế của

cha, mẹ để lại cho 09 người con theo pháp luật. Yêu cầu nhận diện tích đất chứ không nhận giá trị đất. Các cây cối trên đất thì ông C phải di dời cây cối chứ chúng tôi không nhận cây và không bồi hoàn giá trị cây tự ông C phải giải quyết cây cối trên đất. Chúng tôi thống nhất với giá mà hội đồng định giá đã định ngày 18/10/2017; tôi không yêu cầu định giá lại và trên đất không phát sinh công trình kiến trúc nào khác.

Bị đơn ông Mai Văn C trình bày: Cha là Mai Văn P1 chết 1999, mẹ là Phạm Thị Đ chết năm 2019 cha mẹ chết không để lại di chúc, di sản do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất do cha đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1512,0m² hiện do ông canh tác, cha và mẹ có 09 người như nguyên đơn đã trình bày. Phần đất này trước khi cha, mẹ chết thì ông trực tiếp canh tác trước đây thì trồng lúa, sau đó thì cải tạo lại đất để trồng xoài, khi ông làm thì mẹ và các anh chị em không ai có ý kiến phản đối, đến năm 1997 ông lập gia đình và cùng vợ là Trương Mỹ H canh tác diện tích đất 1512,0m². Nay các anh chị em yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại ông thống nhất, yêu cầu được tiếp tục nhận phần đất di sản nói trên ông sẽ hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bị đơn Trương Mỹ H thống nhất theo lời trình bày của ông C.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất là Mai Văn P1 chết 1999, mẹ là Phạm Thị Đ chết năm 2019 cha và mẹ có 09 người con, cha mẹ chết không để lại di chúc, di sản do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1512,0m² đo đạc thực tế diện tích 1.475,0m² hiện do bị đơn canh tác phần đất này bị đơn quản lý trước đây khi cha mẹ còn sống thì bị đơn trực tiếp canh tác trồng lúa, sau đó thì trồng 170 cây xoài lúc này các chị em cũng không có ý kiến phản đối. nay đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được nhận bằng hiện vật đồng thời hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Lưu Thị Việt T, Mai Thị Huyền T1 và Mai Thị Huyền N2 Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không gợi ý kiến cũng như yêu cầu của mình trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Mai Thị Mỹ D đại diện cho bà Mai Thị N1, bà Mai Thị Mỹ K, ông Mai Văn P, anh Mai Thành P1, chị Mai Thị Kim C1 thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn, yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Đ, ông C để lại là diện tích đất 1512,0m² yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Tại phiên tòa bà Võ Thị Hững trình bày: bà là vợ của ông Mai Văn Phu (chết), bà và ông Phu có hai con chung là anh Mai Thành P1 và Mai Thị Kim C1, đối với phần hưởng thừa kế của ông Phu chồng bà thì bà từ chối nhận và để lại cho hai con là P1 và C1 nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông Mai Văn P1 (chết 1992), bà Phạm Thị Đ (chết 2019), có 09 người con gồm Mai Văn Phu (chết, vợ Võ Thị Ứng, các con Mai Thành P1, Mai Thị Kim C1), Mai Văn Đức (chết, vợ Lưu Thị Việt T, các con Mai Thị Huyền T1, Mai Thị Huyền N2), Mai Thị N1, Mai Thị Mỹ K, Mai Văn P, Mai Văn C, Mai Thị Mỹ D, Mai Thị Mỹ N, Mai Thị Mỹ L. Ông P1, bà Đ có tạo lập tài sản chung là diện tích đất 1.512m², đã được UBND huyện Chợ Mới cấp quyền sử dụng đất số 00519/iB ngày 10/8/1989 cho ông P1, hiện đất do ông C và bà Trương Mỹ H (vợ ông C) quản lý, sử dụng. Tại Công văn số 1998 ngày 02/11/1998 của UBND huyện Chợ Mới: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519/iB ngày 10/8/1989 được cấp cho vợ chồng ông P1. Bản vẽ ngày 17/11/2017 có các điểm 3,4,5,6,8 diện tích 115m² chưa được cấp quyền sử dụng đất. Diện tích đất giảm 37m² do phát sinh nương công cộng. Vì vậy, có cơ sở diện tích đất 1.475m² là di sản do ông P1, bà Đ theo Điều 612 Bộ luật dân sự. Đối với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, ông P1 chết năm 1992, bà Đ chết năm 2019, không để lại di chúc nên được chia thừa kế theo pháp luật và hàng thừa kế thứ nhất của ông P1, bà Đ, di sản thừa kế là diện tích đất 1.590m² trong đó 1.475m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519/iB ngày 10/8/1989 cho ông P1; 115m² không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.. Tuy nhiên, Mai Văn Đức (chết) vợ Lưu Thị Việt T, các con Mai Thị Huyền T1, Mai Thị Huyền N2 không có yêu cầu chia thừa kế nên không đề cập đến. Xét thấy, hiện tại diện tích đất nêu trên đã được các ông C, bà H cải tạo trồng xoài ổn định cũng như hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩ nên cần giữ nguyên hiện trạng sử dụng và chia giá trị di sản cho các đồng thừa kế. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xác định: Đất có giá 70.000 đồng/m² x 1.475m² = 103.250.000 đồng. Các đương sự thống nhất, di sản được chia thành 09 kỷ phần, cụ thể mỗi kỷ phần trị giá 11.472.000 đồng. Ông C, bà H đang quản lý, sử dụng đất nên có trách nhiệm hoàn giá kỷ phần được chia cho các ông, bà Mai Thị N1, Mai Thị Mỹ K, Mai Văn P, Mai Thị Mỹ D, Mai Thị Mỹ N, Mai Thị Mỹ L mỗi người được 11.472.000 đồng, ông Mai Thành P1, bà Mai Thị Kim C1 11.472.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về thủ tục tố tụng*: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại, tài sản do ông Mai Văn C đang quản lý sử dụng. Đây là tranh chấp về thừa kế thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản

5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã BPX, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2017 bà Phạm Thị Đ là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Mai Văn P1, ngày 25/10/2019 bà Đ chết, kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ là bà Mai Thị Mỹ N, bà Mai Thị Mỹ L, bà Mai Thị Mỹ D, bà Mai Thị N1, bà Mai Thị Mỹ K, ông Mai Văn P, ông Mai Văn C đều có yêu cầu rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Đ, đồng thời các nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ N, bà Mai Thị Mỹ L, bà Mai Thị Mỹ D, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị N1, bà Mai Thị Mỹ K, ông Mai Văn P có yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Đ để lại. Căn cứ Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Bà Lưu Thị Việt T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Mai Thị Huyền T1, chị Mai Thị Huyền N2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T1, chị N2 và bà T.

[2]. Về nội D: Ông Mai Văn P1 chết năm 1999, bà Phạm Thị Đ chết năm 2019, ông bà có 09 người con: Mai Văn Phu (chết) có vợ Võ Thị H1, con Mai Thành P1, Mai Thị Kim C1; Mai Văn Đức (chết) có vợ tên Lưu Thị Việt T, con Mai Thị Huyền T1, Mai Thị Huyền N2; Mai Thị N1 ; Mai Thị Mỹ K; Mai Văn P; Mai Văn C; Mai Thị Mỹ D; Mai Thị Mỹ N; Mai Thị Mỹ L. Quá trình điều tra các bên thống nhất ông P1 bà Đ chết không để lại di chúc, di sản để lại là quyền sử dụng đất do ông P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới ngày 10/8/1989 diện tích 1512,0m² hiện do ông C, bà H đang canh tác. Các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật yêu cầu nhận bằng hiện vật, bị đơn ông C đồng ý chia thừa kế theo pháp luật yêu cầu được nhận đất để tiếp tục canh tác.

Tòa án đã xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá cụ thể như sau: Phần đất đo đạc thực tế diện tích 1.475,0m² tại các điểm 1, 2, 8, 6, 7 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 11/7/2019 thì diện tích giảm 37m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519-c/B/GCNĐĐ diện tích 1512m² tờ bản đồ số 02; thửa số 1959 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Mai Văn P1 ngày 10/8/1989. Theo Công văn số 1998/UBND-NC ngày 02/11/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới thì diện tích giảm là do phát sinh nương công cộng. Hiện ông C, bà H đang quản lý trên đất và có trồng 170 cây xoài khoảng 18 năm qua định giá xoài có giá 1.600.000đ/cây; đất có giá thị trường 70.000đ/m².

Do ông P1 bà Đ chết không để lại di chúc diện tích 1.475,0m² không được định đoạt cho ai. Căn cứ điều 612 Bộ luật dân sự 2015 thì diện tích 1.475,0m² là di sản của ông P1, bà Đ. Căn cứ Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông P1 bà Đ gồm chín người con: Mai Thị N1; Mai Thị Mỹ K; Mai Văn P; Mai Văn C; Mai Thị Mỹ D; Mai Thị Mỹ N; Mai Thị Mỹ L; Mai Văn Phu (chết) có vợ Võ Thị H1, con Mai Thành P1, Mai Thị Kim C1 và Mai Văn Đức (chết) có vợ tên Lưu Thị Việt T, con Mai Thị Huyền T1, Mai Thị Huyền N2. Như vậy di sản của ông P1 bà Đ sẽ được chia cho các hàng thừa kế thứ nhất, đối với ông Mai Văn Phu và Mai Văn Đức chết căn cứ Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các con của ông Phu, ông Đức là người thừa kế thế vị được hưởng.

Các nguyên đơn và người liên quan yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.475,0m² là di sản của ông P1, bà Đ và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên diện tích đất 1.475,0m² nếu chia làm 9 phần thì mỗi phần 163m². Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về các định mức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang thì đối với đất nông nghiệp diện tích tối thiểu được tách thửa phải là 500m². Vì vậy việc các nguyên đơn yêu cầu được nhận bằng hiện thì không thể thực hiện được. Tại phiên tòa các bên đều xác nhận phần đất mà các yêu cầu chia thừa kế là do ông C bà H canh tác để nuôi cha mẹ, đến năm 2005 thì tiến hành lập vườn trồng xoài cho đến nay các chị em đều biết và cũng không có tranh chấp. Xét thấy bị đơn có quá trình sử dụng đất và đã trồng các cây ăn trái lâu năm trên đất. Căn cứ Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩ nên giao phần đất trên cho bị đơn ông C, ông C có nghĩa vụ hoàn kỷ phần được hưởng cho các đồng thừa kế khác.

Tài sản được chia thừa kế theo pháp luật như sau: Tổng giá trị tài sản là $1.475m^2 \times 70.000đ/m^2 = 103.250.000đ$ được chia cho 9 kỷ phần mỗi phần được hưởng là 11.472.200đ. Như vậy ông C có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế khác mỗi kỷ phần là 11.472.200đ. Đối với kỷ phần hưởng của ông Mai Văn Đức (chết) thừa kế thế vị là Mai Thị Huyền T1 và Mai Thị Huyền N2 Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không gởi ý kiến cũng như yêu cầu của mình trong vụ án này. Vì vậy đối với kỷ phần của ông Đức (chết) là 11.472.200đ tạm giao cho ông C quản lý nếu hàng thừa kế thứ nhất của ông Đức có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí thẩm định, định giá, đo đạc 2.196.800đ (do bà D tạm nộp) mỗi suất hưởng thừa kế phải chịu là 274.600đ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi suất hưởng thừa kế phải chịu 5% án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 612, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn bà Mai Thị Mỹ D, bà Mai Thị Mỹ N và bà Mai Thị Mỹ L.

Ông Mai Văn C, bà Trương Thị Mỹ H được quyền sử dụng phần đất diện tích đất diện tích 1.475,0m² tại các điểm 1, 2, 8, 6, 7 theo Sơ đồ khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Chợ Mới lập ngày 11/7/2019 thì diện tích giảm 37m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00519-c/B/GCNĐĐ diện tích 1512m² tờ bản đồ số 02; thửa số 1959 do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông Mai Văn P1 ngày 10/8/1989 hiện do ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H đang quản lý.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục hành chính về đất đai theo qui định của pháp luật về đất đai.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Mai Thị N1 số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Mai Thị Mỹ K số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Mai Văn P số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Mai Thị Mỹ N số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Mai Thị Mỹ L số tiền 11.472.200đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Mai Thành P1 và chị Mai Thị Kim C1 số tiền 11.472.200đ.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ (chết) kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Đ là bà Mai Thị Mỹ N, bà Mai Thị Mỹ L, bà Mai Thị Mỹ

D, bà Mai Thị N1, bà Mai Thị Mỹ K, ông Mai Văn P, ông Mai Văn C yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế

Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá, đo đạc 2.196.800đ (do bà D tạm nộp).

Bà Mai Thị Mỹ N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Bà Mai Thị Mỹ L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Bà Mai Thị N1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Bà Mai Thị Mỹ K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Ông Mai Văn P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Anh Mai Thành P1, chị Mai Thị Kim C1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Mỹ D số tiền 274.600đ.

Án phí DSST:

Bà Mai Thị Mỹ N phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0014292 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 29/8/2017, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008232 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 101.400đ.

Bà Mai Thị Mỹ L phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0014294 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 29/8/2017, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008230 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 101.400đ.

Bà Mai Thị Mỹ D phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0014293 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 29/8/2017; tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0008234 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 176.400đ.

Bà Mai Thị N1 phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0019396 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 21/3/2018, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008231 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 101.400đ.

Bà Mai Thị Mỹ K phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0019397 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 21/3/2018; tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008235 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 101.400đ.

Ông Mai Văn P phải chịu 573.600đ được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 375.000đ theo biên lai số 0019395 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 21/3/2018, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008233 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, được nhận lại số tiền 101.400đ.

Anh Mai Thành P1, chị Mai Thị Kim C1 phải chịu 573.600đ. được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0019949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 24/7/2018, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008228 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020, tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0008229 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 20/4/2020 và tiền tạm nộp án phí 300.000đ theo biên lai số 0019950 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 24/7/2018. Anh Mai Thành P1 được nhận lại số tiền 313.500đ. Chị Mai Thị Kim C1 được nhận lại số tiền 313.500đ.

Ông Mai Văn C và bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 573.600đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình